

**CÔNG TY CP KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
VINATRANCO**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2017**


Tháng 04/2018

Mục lục

2	Mục lục	15	Báo cáo năm 2017 và kế hoạch năm 2018
2	Tổng quan về công ty	21	Báo cáo của Hội đồng quản trị
8	Lịch sử phát triển	23	Trách nhiệm xã hội
9	Lĩnh vực hoạt động	24	Báo cáo tài chính
10	Các rủi ro		Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
11	Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		
12	Sơ đồ tổ chức		
12	Thông tin cổ đông		

Tổng quan về công ty

<p style="text-align: center;">TÂM NHÌN</p>	<p>Công ty Kho vận và dịch vụ thương mại trở thành một đơn vị uy tín trong lĩnh vực kho vận, vận chuyển, cũng như kinh doanh thương mại các mặt hàng Dầu mỡ, hóa chất. Cung cấp nhiều hơn nữa những mặt hàng đến với các đơn vị trên toàn quốc.</p> <ul style="list-style-type: none">- Đa dạng hóa hình thức kinh doanh các mặt hàng xăng dầu, dầu mỡ. Nâng cao thị phần cung ứng cho các xí nghiệp, nhà máy, tập trung tăng cường tổ chức và sử dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có đồng thời tìm cách huy động nguồn vốn bên ngoài một cách hợp pháp để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và các dự án đầu tư.- Củng cố vị trí và mở rộng địa bàn hoạt động trên cả nước, liên doanh, liên kết với các chủ đầu tư nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, tạo điều kiện phát triển chuyên môn hóa một cách có hiệu quả, khai thác được thế mạnh, khắc phục mặt yếu trong quá trình thực hiện triển khai các dự án.- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực sẵn có và có chính sách thu hút nguồn nhân lực bên ngoài để đáp ứng yêu cầu trong sản xuất kinh doanh.
<p style="text-align: center;">SỨ MỆNH</p>	<p>Không ngừng hoàn thiện và ưu tiên đặt lên hàng đầu là lợi ích của khách hàng.</p>
<p style="text-align: center;">GIÁ TRỊ CỐT LÕI</p>	<ul style="list-style-type: none">- Chính trực- Hướng đến sự hoàn hảo- Liên tục đổi mới- Hợp tác

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
Tên tiếng Anh	TRANSPORT - WAREHOUSING AND TRADE SERVICE JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch viết tắt	VINATRANCO
Logo	
Vốn điều lệ	23.504.000.000 đồng (Hai mươi ba tỷ năm trăm lẻ tư triệu đồng)
Trụ sở Công ty	Số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Điện thoại: (84 - 024) 3862 3566 Fax: : (84 - 024) 3862 1214 Website: www.vinatranco.com.vn

Các đơn vị trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại Hải Phòng II

Địa chỉ: 52 Trần Khánh Dư, P Máy Tơ, Q Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Điện thoại: +84-31-3836607

Fax: +84-31-3836168

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại tại Bình Dương

Địa chỉ: 1/555 Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 2, P Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương.

Điện thoại: +84-0274-3721 004

Fax: +84-0274-3718 699

Kho tại Hải Phòng

Địa chỉ: 226 Đường Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng.

Điện thoại : +84 (04) 3862 3566

Kho Trâu Quỳ

Địa chỉ: Thôn Bình Minh- TT Trâu Quỳ- Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại: +84-4-3827 6274

Fax: +84-4-3676 1881

Kho Đông Anh

Địa chỉ: Tổ 37, Thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.

Điện thoại : +84-4-3883 2406

Fax: +84-4-3883 7057

Kho Mạc Thị Bưởi

Địa chỉ: 20 Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy- Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: +84-4-3636 0854/3636 7860 Fax: +84-4-3636 7861

Kho Chi nhánh Bình Dương

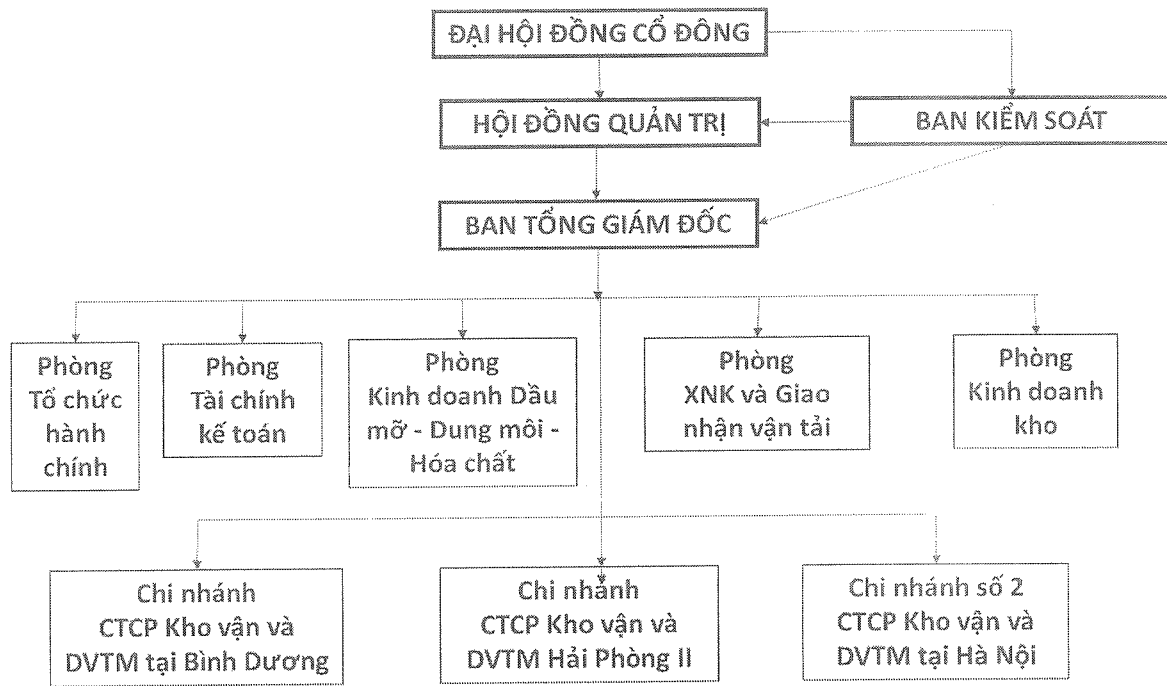
Địa chỉ: 1/555 Tổ 9, Khu phố Hòa Lân 2, P Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Bình Dương.

Điện thoại: +84-0274-3721 004

Fax: +84-0274-3718 699

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động công ty được ban hành năm và thay đổi vào ngày 20/04/2019.

Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại xây dựng cơ cấu bộ máy quản lý theo mô hình quản lý của công ty cổ phần gồm:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết ủy quyền, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định:

- Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát, của Hội đồng quản trị và của Ban Tổng giám đốc;
- Quyết định số lượng thành viên HĐQT, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

HĐQT của Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị là 5 năm, thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu ra.

Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

Các bộ phận, phòng ban trực thuộc

Các phòng nghiệp vụ: 05 phòng, bao gồm:

- + Phòng tổ chức hành chính
- + Phòng tài chính kế toán
- + Phòng Kinh doanh Dầu mỡ - Dung môi - Hóa chất
- + Phòng xuất nhập khẩu và giao nhận vận tải
- + Phòng kinh doanh kho

Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014, các hạn chế với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Từ lúc CTCP Kho vận và Dịch vụ thương mại thành lập (21/07/2005) đến nay đã quá thời hạn 03 năm nói trên, nên bản cáo bạch này sẽ không đề cập tới danh sách cổ đông sáng lập nữa.

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2017

TT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Giá trị cổ phiếu (triệu đồng)	% sở hữu	Số cổ đông
1	Cổ đông trong nước	2.350.400	23.504.000.000	100	97
	Tổ chức	0	0	0	0
	Cá nhân	2.350.400	23.504.000.000	100	97
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
	Tổ chức	0	0	0	0
	Cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	2.350.400	23.504.000.000	100	97

1.1. Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI MIỀN BẮC

Địa chỉ: 20 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: +84-31-3836607

Fax: +84-31-3836168

1.2. Công ty liên doanh, liên kết

Không có

1.2.1. Giới thiệu sản phẩm/dịch vụ chính

Hiện nay, Công ty có một số hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Giao nhận vận chuyển: Công ty kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế mà chủ yếu là làm Logistics
- Kho bãi: Công ty tiền thân là Cục Kho vận của Bộ thương mại cho nên hệ thống kho bãi kinh doanh hiện Công ty đang quản lý đều là những kho bãi đã hoạt động lâu năm, từ ngày là công ty nhà nước cho đến nay cho nên có rất nhiều thuận lợi về ưu đãi, kinh nghiệm.
- Kinh doanh thương mại: Công ty kinh doanh dầu mỡ, dung môi và hóa chất, kinh doanh lắp ô tô các loại,.... Công ty là nhà phân phối dầu nhờn PTT của tập đoàn dầu khí Thái Lan tại Việt Nam ngoài ra còn là nhà nhập khẩu các mặt hàng dầu hóa dẻo cao su lớn tại UAE và các nước khác.

Lịch sử phát triển

2017



2010



16/05/2014: Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu tỷ lệ 10:3 tăng vốn điều lệ công ty lên thành 23.504.000.000 đồng.

2008

11/08/2008 Trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 12% và phát hành cổ phiếu thưởng cho lao động suất sắc tang vốn điều lệ công ty lên 18.080.000.000 đồng

2005

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100107691 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 với số vốn điều lệ là 16.000.000.000 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính là: kinh doanh, giao nhận vận chuyển và kho bãi.

2004

Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 5/11/2004 Bộ Thương Mại ký quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 chuyển thành công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại – Vinatranco.

1981

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại- một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981.

Lĩnh vực hoạt động

DỊCH VỤ GIAO NHẬN VẬN TẢI

VINATRANCO cung cấp đến khách hàng các dịch vụ:

+ Thủ tục hải quan, giao nhận, đại lý hải quan
+ Vận chuyển hàng trong nước, quốc tế bằng nhiều hình thức

+ Gom hàng lẻ, giao hàng tận nơi, đại lý phân phối

• Vận chuyển đường không: Vinatranco cung cấp dịch vụ vận tải bằng đường hàng không từ Việt Nam đến toàn thế giới và ngược lại cho mọi loại hàng hóa thông qua việc hợp tác với nhiều hãng hàng không lớn trên thế giới với tần suất bay cao, tải trọng lớn và bay đến hầu hết mọi sân bay. Vận chuyển đường không có nhiều dịch vụ đa dạng như: airport-airport, door-airport, airport-do. Vận chuyển đa phương thức kết hợp đường biển với đường hàng không, đường hàng không với đường hàng không giúp khách hàng vừa tiết giảm chi phí vừa có được dịch vụ vận chuyển nhanh nhất, hiệu quả nhất, or, door-door

• Vận chuyển đường biển: Vinatranco cung cấp đầy đủ các dịch vụ vận chuyển đường biển cho khách hàng có hàng hóa đi và đến các cảng biển Việt Nam gồm có: hàng nguyên container FCL; hàng lẻ LCL; hàng siêu trường, siêu trọng; giao vận chuyển hàng với tất cả các điều kiện vận chuyển được quy định trong incoterm 2010; nhờ thu cước.

• Vận chuyển đường bộ - logistics: Dịch vụ logistics cho hàng xuất - nhập khẩu gồm có: Khai thuê Hải quan; thủ tục xuất nhập khẩu; giao nhận hàng triển lãm và công trình; giao hàng hóa tận nhà (door to door services); đóng gói bao bì hàng hóa; tư vấn xuất nhập khẩu; thủ tục chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa (C/O); bảo hiểm, hun trùng, kiểm văn hóa,...; Xuất/nhập khẩu ủy thác; đóng kiện các loại hàng hóa; hàng chuyển cảng (từ các cảng chính tại TP HCM – Hải Phòng – Đà Nẵng) đi các tỉnh; làm thủ tục cho hàng quá cảnh đi Cam-pu-chia, Lào, Trung Quốc và các nước trong khu vực.

DỊCH VỤ KHO BÃI

Với nhiều năm kinh nghiệm, Vinatranco cung cấp các dịch vụ kho ngoại quan và toàn bộ các dịch vụ về kho chứa hàng cho khách hàng.

Hệ thống kho bãi nằm gần các khu công nghiệp, khu chế xuất, gần điểm giao nối giữa các tuyến đường quan trọng.

Nằm tiếp giáp với cảng ở Cát Bà - Hải Phòng, rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu tại cảng.

Tọa lạc gần trung tâm công nghiệp Bình Dương, Vinatranco đã kết hợp giữa lợi thế vị trí thuận lợi cùng kinh nghiệm tích lũy trong nhiều năm qua nhằm mang đến cho khách hàng sự hài lòng cao nhất và xây dựng Vinatranco trở thành một nhà cung ứng dịch vụ chuỗi cung ứng logistics hàng đầu.

KINH DOANH DẦU MỠ

Vinatranco là nhà phân phối chính thức các loại sản phẩm dầu PTT với 2 dòng sản phẩm là dầu cho phương tiện và dầu công nghiệp

- Dầu cho phương tiện;
- Dầu công nghiệp;
- Dầu hóa dẻo cao su;
- Dung môi công nghiệp.

Các rủi ro

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (VINATRANCO) hoạt động trong lĩnh vực logistics, kinh doanh thương mại dầu mỡ nhờn, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su tổng hợp, hàng tiêu dùng,...; do đó, trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có khả năng đối mặt với những rủi ro sau

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh được đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động bất ngờ của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro kinh tế là loại rủi ro có hệ thống nên chịu tác động của các điều kiện kinh tế chung như tốc độ tăng trưởng kinh tế GDP, lạm phát, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái, lãi suất,... Đây là rủi ro tác động tới toàn bộ thị trường và không thể kiểm soát được, chính vì vậy, doanh nghiệp cần đánh giá chính xác yếu tố rủi ro này để dự phòng mức độ tác động của nó đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành an toàn cho mô hình kinh doanh RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với mức giá hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường hay thiếu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, chi trả cho khách hàng. Do Công ty thực hiện việc quản lý tách bạch tiền gửi của nhà đầu tư, đồng thời không phát sinh các khoản vay tín dụng, phát hành trái phiếu công ty nên rủi ro này được đánh giá rất thấp.

RỦI RO VỀ LẠM PHÁT

Lạm phát là một trong những nhân tố tác động mạnh tới doanh nghiệp trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Chỉ số lạm phát tăng quá cao sẽ làm gia tăng gánh nặng chi phí vốn cũng như chi phí quản lý, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó lạm phát đã giảm xuống mức 6,8% (năm 2012) và còn 3,5% (năm 2017).

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Trong nền kinh tế, lãi suất là yếu tố rất nhạy cảm đối với biến động của nền kinh tế; hơn nữa, nó là công cụ trong việc thực hiện chính sách tài chính tiền tệ của Chính phủ. Vì vậy, rủi ro lãi suất là rủi ro xuất hiện thường xuyên trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành

Mặt bằng lãi suất năm 2017 được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế gia tăng, lãi suất cho vay phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn, trung, dài hạn khoảng 9-11%/năm. Lãi suất cho vay bình quân năm 2017 là 8,86%.

Công ty VINATRANCO luôn có nhu cầu vay vốn từ các ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, một sự biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vay vốn và sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hay Công ty sẽ chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Để đảm bảo an toàn với rủi ro lãi suất, Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là nhà phân phối dầu mỡ của các hãng nước ngoài vào Việt Nam, kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su,...; và các hoạt động dịch vụ liên quan đến vận tải. Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Do phải nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài và phải duy trì mức tồn kho hàng hóa lớn để đảm bảo duy trì sản xuất khiến Công ty phải chịu rủi ro tác động từ biến động bất lợi và tỷ giá hối đoái do nhập khẩu phải thanh toán bằng ngoại tệ.

Năm 2018 có thể thấy đây là năm tỷ giá biến động nhiều. Trong năm, tỷ giá trung tâm do NHNN công bố đã tăng khoảng 1,6%, tỷ giá giao dịch trên thị trường liên ngân hàng tăng khoảng 2,7% so với đầu năm. Trong 7 năm qua, chỉ có năm 2015 chứng kiến tỷ giá biến động mạnh hơn với mức tăng 5,1% ở ý.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Rủi ro về luật pháp phát sinh khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của Công ty và những chiến lược phát triển ngành vận tải, kinh doanh thương mại, dịch vụ trong nước và thế giới. Hiện tại, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Hải quan và các văn bản dưới luật liên quan khác. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó, là một đơn vị xuất nhập khẩu, công ty còn chịu sự điều chỉnh của luật pháp liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu. Điển hình là các chính sách về thuế xuất nhập khẩu, hạn ngạch. Tuy được hưởng lợi từ các hiệp định thương mại quốc tế nhưng đó cũng là thách thức lớn đối với các lĩnh vực kinh doanh của Việt Nam nói chung cũng như đối với VINATRANCO nói riêng. Bất cứ sự thay đổi nào của các quy định nói trên cũng có nguy cơ tác động tiêu cực đến hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt pháp lý, ban điều hành VINATRANCO đã liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các rủi ro phát sinh theo hướng tiêu cực, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH

Việc ngày càng có nhiều nhà phân phối kinh doanh trong cùng lĩnh vực dầu nhờn đã gây rất nhiều áp lực từ sự cạnh tranh đối với Công ty trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, kể từ khi hội nhập, ký kết các hiệp định thương mại, thị trường Việt Nam đã có nhiều công ty, tập đoàn nước ngoài được trực tiếp kinh doanh tại Việt Nam. Do đó, ngành kinh doanh dầu mỡ bôi trơn đang chịu nhiều áp lực cạnh tranh từ doanh nghiệp trong nước cũng như doanh nghiệp nước ngoài.

Đối với lĩnh vực logistics, việc các công ty nước ngoài được tham gia vào lĩnh vực logistics khiến cạnh tranh ngày một gay gắt những cũng là cơ sở để các công ty trong nước nâng cao chất lượng dịch vụ. VINATRANCO có lợi thế về mặt bằng kho bãi ở các vị trí thuận tiện, đây là lợi thế cạnh tranh mà các công ty nước ngoài không thể có tại thị trường Việt Nam.

RỦI RO VỀ YẾU TỐ ĐẦU VÀO

Với lĩnh vực logistics, công ty phải đối mặt với các rủi ro về thay đổi nhiên liệu đầu vào. Trong thời gian gần đây, giá nhiên liệu đầu vào có nhiều sự biến động, do đó công ty luôn phải chủ động tích trữ yếu tố đầu vào lớn để đảm bảo hoạt động liên tục của công ty và không bị động trong trường hợp yếu tố đầu vào tăng giá đột ngột

Bên cạnh đó, rủi ro về sự biến động giá đất cũng ảnh hưởng rất lớn tới dịch vụ kho bãi của công ty. Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá đất, Công ty đã xây dựng kế hoạch cụ thể về quy hoạch và phát triển kho bãi để đem lại giá trị khai thác cao hơn

Vinatranco luôn có kế hoạch kinh doanh để phòng tránh rủi ro ở mức thấp nhất.

Hội đồng quản trị & Ban Điều hành

Ông NGUYỄN KIM CƯƠNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Cử nhân Đại Học tài chính kế toán
- Đã từng trải qua các chức vụ như, Kế toán trưởng và Phó tổng giám đốc Công ty

Ông ĐỖ NGỌC TIẾN

Thành viên HĐQT – TGD

Bổ nhiệm từ ngày 15/09/2017

- Cử nhân Kinh tế Đại Học Thương mại
- Đã làm Trưởng phòng giao nhận và vận tải, Phó tổng giám đốc Công ty.

Ông NGUYỄN THẾ HÌNH

Thành viên HĐQT

Bổ nhiệm từ ngày 15/09/2019

- Cử nhân kinh tế Đại Học kinh tế quốc dân
- Kế toán trưởng Công ty vật tư Nông Sản
- Nay đã nghỉ hưu

Ông NGUYỄN XUÂN TƯỚNG

Thành viên HĐQT

Bổ nhiệm từ ngày 15/09/2019

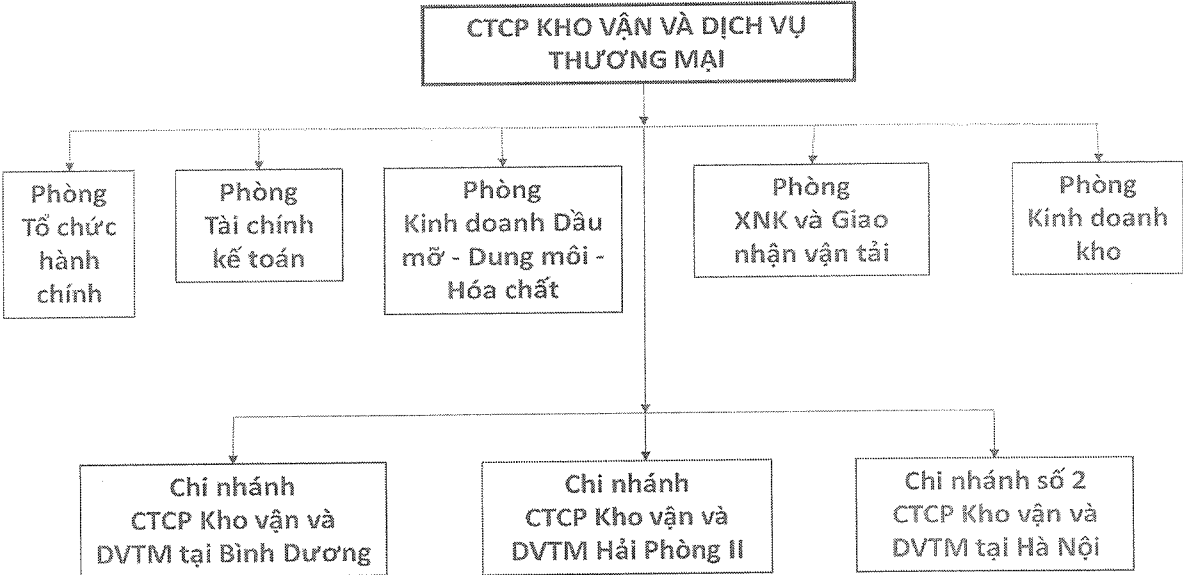
- Cử nhân kinh tế
- Kinh doanh tự do

Ông NGUYỄN VĂN TÌNH

Thành viên HĐQT- Bổ nhiệm từ ngày 15/09/2019

- Cử nhân kinh tế Đại Học Thương mại
- Giám đốc CN I Hải Phòng
- Phó tổng giám đốc Công ty

Sơ đồ tổ chức

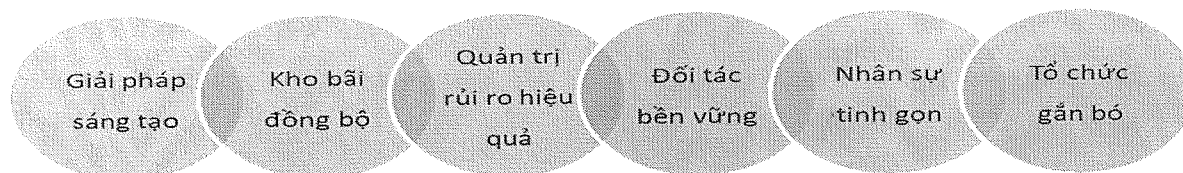


Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty Cổ phần kho vận và DVTM là trở thành một trong những Công ty kho vận lớn, uy tín trong lĩnh vực giao nhận vận tải hàng hóa trong nước và quốc tế mà chủ yếu là làm Logistics .

Dựa trên nguyên tắc phát triển An toàn – Linh hoạt – Hiệu quả, Định hướng chiến lược phát triển của chúng tôi bao gồm:

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ truyền thống đồng thời đẩy mạnh việc nghiên cứu triển khai các sản phẩm sáng tạo phù hợp với nhu cầu của khách hàng;
- Xây dựng hệ thống kho bãi đồng bộ tiên tiến, đảm bảo tương thích và giao dịch nhanh chóng, thuận lợi, an toàn;
- Xây dựng cơ chế quản lý rủi ro chặt chẽ và hiệu quả; bám sát đặc điểm vận động của thị trường ở các chu kỳ và giai đoạn phát triển khác nhau
- Xây dựng mối quan hệ mật thiết và rộng lớn với các Công ty cùng ngành, các Tổ chức nhằm Cung cấp các giải pháp tối ưu nhất và với chi phí thấp nhất để đáp ứng những nhu cầu khắt khe của khách .
- Nhân sự tinh gọn, chất lượng cao và định hướng hiệu quả công việc. Không ngừng đào tạo nâng cao trình độ nhân viên, đáp ứng yêu cầu của các đối tác và các công ty đa quốc gia;
- Xây dựng văn hoá doanh nghiệp trẻ, nhiệt huyết và thân thiện; gắn bó và tương trợ
- Xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp; tích cực tham gia các hoạt động mang tính cộng đồng để quảng bá hình ảnh về một tổ chức thân thiện, đáng tin cậy.



Thông tin cổ đông

CỔ PHẦN

Vốn điều lệ Công ty: 23.504.000.000 đồng

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TT	Danh mục	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước					
2	Cổ đông sáng lập/Cổ đông FDI					
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)	1.334.353	56.78%			
4	Công đoàn công ty					
5	Cổ phiếu quỹ					
6	Cổ đông khác	1.016.047	43.22%			
Tổng cộng		2.350.400	100%			
Trong đó:		2.350.400	100%			
- Trong nước						
- Nước ngoài						

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

THAY ĐỔI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Năm 2017 không có thay đổi danh sách người có liên quan

GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ /Quan hệ	Số CP sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ
1	Nguyễn Kim Cương Người có liên quan	Chủ tịch HĐQT	72.486	3.1%
	Nguyễn Kim Anh	Em trai	17.016	0.72%
	Phạm Thị Thanh Thùy	Vợ	37.312	1.59%
2	Nguyễn Văn Tình Người có liên quan	TV HĐQT	24.000 0	0% 0
3	Đỗ Ngọc Tiến Người có liên quan	TV HĐQT	17.516 0	0.75% 0
4	Nguyễn Xuân Tường Người có liên quan	TV HĐQT	10.922	0.46% 0
5	Nguyễn Thế Hình Người có liên quan	TV HĐQT	135.649	5.77%
6	Vũ Thị Thơm	Trưởng ban KS	20.040	0.85%
7	Cao Việt Tuấn	TV BKS	3.500	0.15%
8	Phan Ngọc Tân Người có liên quan	TV BKS	11.800	0.5%
	Nguyễn Thị Ngọc		3.130	0.13%
9	Đỗ Trường Giang	Kế toán trưởng	16.276	0.69%

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

S	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Văn Tình		81.000	3.45%	24.000	1.02%	Chuyển nhượng cổ phần
2	Lê Văn Nam		17.655	0.75%	21.673	0.92%	Chuyển nhượng cổ phần
3	Đỗ Trường Giang		19.276	0.82%	16.276	0.69%	Chuyển nhượng cổ phần
4	Trần Thị Thu Hương		20.211	0.86%	34.867	1.18%	Chuyển nhượng cổ phần
5	Nguyễn Tý		18.830	0.80%	9.030	0.38%	Chuyển nhượng cổ phần
6	Tạ Quang Hải		11.835	0.50%	5.000	0.21%	Chuyển nhượng cổ phần
7	Nguyễn Kim Cương		66.772	2.84%	72.486	3.08%	Chuyển nhượng cổ phần
8	Đỗ Ngọc Tiến		25.802	1.1%	17.516	0.75%	Chuyển nhượng cổ phần
9	Phạm Ngọc Duy		59.469	2.53%	20.267	0.86%	Chuyển nhượng cổ phần
10	Vũ Thị Uân		23.680	1.01%	0	0%	Chuyển nhượng cổ phần
11	Phạm Ngọc Thi		48.817	2.08%	0	0%	Chuyển nhượng cổ phần
12	Vũ Thị Nga		21.156	0.9%	0	0%	Chuyển nhượng cổ phần
13	Nguyễn Văn Thìn		6.476	0.28%	4.692	0.20%	Chuyển nhượng cổ phần

Các giao dịch khác:

Giao dịch của cổ đông lớn

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Xuân Trường		0	0%	1.198.704	51%	<i>Chuyển nhượng cổ phần</i>
2	Nguyễn Thế Hình		0	0%	135.649	5,77%	<i>Chuyển nhượng cổ phần</i>

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Không có

Báo cáo của Ban Giám đốc

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

Kinh tế vĩ mô và thị trường tài chính

Năm 2017, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%. Vượt qua những khó khăn lớn, kinh tế bắt đầu phục hồi và đi lên, bắt đầu từ năm 2012 và đến nay đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định khi luôn cao hơn mức tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2011 - 2017.

Bên cạnh đó, các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác cũng đạt kết quả khả quan. Tăng trưởng tín dụng đạt 18%, trong khi lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp, dự trữ ngoại tệ cao kỷ lục 51 tỷ USD và tỷ giá ổn định cùng với sự bùng nổ của dòng vốn ngoại là yếu tố khiến Việt Nam không chỉ là điểm sáng kinh tế mà còn thể hiện sự sẵn sàng gia nhập vào các quốc gia có thu nhập trung bình và gia nhập vào khu vực các thị trường tài chính, các nền kinh tế mới nổi.

Tiến trình cổ phần hóa diễn ra khá mạnh mẽ với 24 doanh nghiệp lớn được IPO với mức độ thành công khác nhau, nhưng cùng mang đến thông điệp quyết tâm thực hiện tiến trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và cam kết cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Các đợt IPO nhìn tổng thể được thị trường đón nhận tích cực, phần lớn đều thực hiện đăng ký giao dịch và niêm yết đúng lộ trình. Điều này sẽ tạo ra thêm nhiều hàng hóa chất lượng trên thị trường, qua đó giúp kích thích mạnh hơn dòng vốn ngoại tham gia vào TTCK Việt Nam cũng như giúp cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh tại các công ty hậu thoái vốn.

Hoạt động của ngành vận tải

Trong thời đại công nghệ 4.0, ngành logistics đang phát triển mạnh mẽ với những thay đổi vượt bậc.

Hơn ba thập kỷ qua, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh nhờ sự đóng góp không nhỏ của việc mở cửa thị trường thương mại và đầu tư quốc tế. Trong đó, ngành logistics là một trong những động lực thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế. Lĩnh vực cũng nhận được nhiều ưu tiên phát triển từ Chính phủ và nhiều đơn vị, hiệp hội chuyên ngành. Hiện nay, Việt Nam là một trong những nền kinh tế mở nhất thế giới với nhiều thuận lợi về vị trí địa lý, ổn định chính trị, xã hội và sự nhất quán của pháp luật về thương mại. Đây được coi là cơ sở tự nhiên cho các nhà sản xuất cung cấp cho chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhằm đẩy mạnh phát triển, thu hẹp khoảng cách nội bộ và tăng cường khả năng cạnh tranh trong khu vực, Chính phủ quy hoạch xây dựng và đưa vào vận hành các trung tâm logistics, các khu công nghiệp logistics, cụm logistics; nâng cấp hệ thống hạ tầng giao thông.

Hoạt động của Công ty CP Kho vận và DVTM

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ thương mại (tên viết tắt là Vinatranco) tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ thương mại - một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại được thành lập năm 1981. Thực hiện chính sách đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, ngày 5/11/2004 Bộ Thương Mại ký quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 5/11/2004 chuyển thành công ty CP kho vận và dịch vụ thương mại – Vinatranco. Công ty có hệ thống kho bãi, nhà xưởng, các chi nhánh, các Công ty trực thuộc tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh. Lĩnh vực hoạt động của Vinatranco là giao nhận vận chuyển, kho bãi, kinh doanh.

Trong các doanh nghiệp cùng ngành nghề, Vinatranco là một trong số ít các công ty có đầy đủ các dịch vụ nhằm cung ứng cho khách hàng một dịch vụ trọn gói từ khâu sản xuất cho đến khi sản phẩm đến tay người tiêu dùng, là một trong những đơn vị có hệ thống kho bãi lớn tại Hà Nội, Hải Phòng, Bình Dương. Với kinh nghiệm hơn 35 năm hoạt động, Vinatranco là thương hiệu uy tín và được nhiều khách hàng lựa chọn. chính, năng lực sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị

Trong năm 2017 tình hình KTXH nước ta có một số chuyển biến tích cực, một số lĩnh vực SXKD được phục hồi, phát triển: Sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, xuất khẩu, đầu tư khu vực FDI. Tăng trưởng GDP đạt 6,81% cao nhất trong khoảng thời gian gần đây.

- Tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Cty lại chịu sức cạnh tranh rất lớn trên mọi lĩnh vực của các thương hiệu hàng hóa nhập khẩu khác, từ các nhà cung cấp SP dịch vụ khác có khả năng về vốn, phương tiện, nhân lực tốt hơn Cty, áp lực giảm sản lượng, giảm giá dẫn đến ngày càng giảm hiệu quả kinh doanh. Việc kinh doanh dần trải nhiều thương hiệu dầu S-oil cũng làm giảm sản lượng, sự tập trung vào thương hiệu chính, duy trì bộ phận KD lớp không hiệu quả cũng làm ảnh hưởng kết quả KD nói chung.

- Đặc biệt việc thay đổi cổ đông lớn dẫn đến một số việc làm của lãnh đạo Cty cũ và một số người lao động gây rất nhiều khó khăn cho hoạt động của Cty, đặc biệt là mảng kinh doanh dầu, gây hoang mang cho cổ đông và người lao động.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Kết quả kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Công ty
I	Doanh thu	191,2
1	-KD Dầu	157,7
2	-GNVT	7,9
3	-KD Kho	14,6
4	-KDTM	10,8
II	LNTT	5,6

Đánh giá chung

Tồn tại:

1. Hoạt động của các chi nhánh, đơn vị thành viên không đều, hiệu quả kinh doanh thấp, không phát huy được thế mạnh truyền thống cũng như sản phẩm hàng hóa có ưu thế độc quyền của Cty. Hoạt động KD gặp nhiều khó khăn do đội ngũ lao động chất lượng yếu và thiếu. Các đơn vị chú trọng việc thu hồi công nợ, quản lý không để phát sinh nợ xấu mới. Lợi nhuận đóng góp thấp: CN Hải phòng 2 là 125 tr/ 1,45 tỷ. Chi nhánh HN 2 10 triệu/ 200tr đồng vốn, hiện đã dừng hoạt động.
2. Cơ sở vật chất cần đầu tư tăng cường, tương xứng với nhu cầu phát triển; bao gồm mặt bằng, không gian, tiện ích làm việc
3. Công tác phát triển nhân lực chưa đạt yêu cầu, hiện nay còn thiếu ở tất cả các cấp quản lý và chuyên viên;

III. PHƯƠNG HƯỚNG, KH KINH DOANH NĂM 2018

Đánh giá tình hình

Năm 2018, dự báo bối cảnh kinh tế vĩ mô sẽ ổn định và có nhiều yếu tố hỗ trợ cho sự tăng trưởng của thị trường chứng khoán. Lạm phát có khả năng duy trì ở mức thấp, tín dụng tiếp tục tăng trưởng cao và đạt trên 17%, dòng vốn FDI vẫn được kỳ vọng bứt phá, hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu.

Ngành vận tải đứng trước cơ hội thuận lợi lớn. Tuy nhiên cơ hội chỉ dành cho những doanh nghiệp không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính; đầu tư lớn vào nhân lực, công nghệ và trang thiết bị với định hướng nâng cao chất lượng vận chuyên.

Như vậy, ngành vận tải đứng trước cơ hội thuận lợi lớn. Tuy nhiên cơ hội chỉ dành cho những doanh nghiệp không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính; đầu tư lớn vào nhân lực, công nghệ và trang thiết bị với định hướng nâng cao chất lượng khách hàng. Bên cạnh đó, thị trường từ chỗ phân hóa chuyên biệt bắt đầu chuyển hướng sang đa dạng hóa với việc nhà đầu tư có xu hướng lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ, có đầy đủ các sản phẩm dịch vụ và tiện ích,

Kế hoạch kinh doanh 2018

Mục tiêu

Ban Điều hành định hướng hoạt động trong dài hạn là phát triển, mở rộng thị phần một cách vững chắc, dựa trên ưu tiên đầu tư có trọng tâm vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, quy trình nghiệp vụ và cung cấp dịch vụ có chất lượng và thiết thực nhất cho đối tác với mức phí cạnh tranh.

Trước tình hình mới, Ban Điều hành xác định hoạt động của Công ty theo hướng tiếp tục đầu tư chiều sâu, mở rộng hoạt động, đón đầu cơ hội mới và từng bước xây dựng, định hình mô hình ngân

hàng đầu tư, nhằm phù hợp với xu thế phát triển mới của thị trường..

Mục tiêu hoạt động cụ thể của năm 2018

- Chuẩn bị sẵn sàng về con người, hạ tầng kinh doanh vận tải và quy trình nghiệp vụ để tham gia cung cấp các sản phẩm, tiện ích .Đầu tư lớn cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và hệ thống
- Mạnh dạn đầu tư phương tiện, cơ sở vật chất để tăng cường tính chủ động việc mở rộng lĩnh vực, thị trường kinh doanh: Kinh doanh rượu nhập khẩu, xuất khẩu vật tư.
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý có năng lực, phẩm chất tốt, tự tin, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong công việc, đặt quyền lợi của Cty của tập thể lên trên hết.
- Tiếp tục đổi mới hoàn thiện các cơ chế trong quản lý, điều hành hoạt động KD
- *Giải pháp thực hiện*
 - Tận dụng triệt để mọi khả năng, thế mạnh của Công ty cả về cơ sở vật chất, kinh nghiệm truyền thống, hàng hóa, lực lượng lao động, sự ủng hộ cao của các cổ đông để ổn định và không ngừng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Mạnh dạn đầu tư phương tiện, cơ sở vật chất để tăng cường tính chủ động việc mở rộng lĩnh vực, thị trường kinh doanh: Kinh doanh rượu nhập khẩu, xuất khẩu vật tư.
 - Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo niềm tin sự đoàn kết cởi mở chia sẻ trong công việc, trong chỉ đạo lãnh đạo mọi hoạt động của Cty. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo quản lý có năng lực, phẩm chất tốt, tự tin, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong công việc, đặt quyền lợi của Cty của tập thể lên trên hết.
 - Tiếp tục đổi mới hoàn thiện các cơ chế trong quản lý, điều hành hoạt động KD, tạo môi trường công tâm, minh bạch, người lao động phấn khởi tin tưởng, ủng hộ đội ngũ lãnh đạo, quản lý, tích cực, tự giác làm việc, đồng sức đồng lòng trong hoạt động SXKD cũng như mọi công việc khác của Cty, xây dựng cơ chế làm việc và thu nhập hợp lý, công bằng nhằm phát huy tối đa mọi khả năng, đóng góp của người lao động, coi người lao động trực tiếp là một trong những nhân tố quyết định đến kết quả hoạt động KD của Cty.
 - Tích cực tìm kiếm tuyển dụng và đổi mới phương thức đào tạo, đào tạo lại để có đội ngũ lao động có chất lượng chuyên môn, đạo đức ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh.
 - Về KD kho bãi: Ổn định, chăm sóc tốt khách hàng hiện có, luôn chủ động có quan hệ với các khách hàng tiềm năng để sẵn sàng thay thế khi có biến động. Tích cực, chủ động đàm phán giá để luôn đảm bảo sự hợp lý, hiệu quả tốt nhất. Nắm bắt kịp thời chất lượng kho tàng, trang thiết bị

PCCC, cấp thoát nước có đề xuất kịp thời để sửa chữa khắc phục hư hỏng, xuống cấp đảm bảo yêu cầu kinh doanh. Hoàn thiện các hồ sơ, thủ tục yêu cầu về PCCC, quản lý môi trường xả thải ...

- Giữ và xử lý tốt mối quan hệ với các cơ quan quản lý chức năng chính quyền, công an, PCCC, môi trường, địa án đầu tư xây dựng khai thác để nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại CN Bình Dương. Xây dựng lại khu văn phòng Cty 473 Minh Khai.
- Về GNVТ-XNK: Làm tốt nhiệm vụ nhập hàng KD của Cty, tích cực khai thác khách hàng mới để tăng hiệu quả hoạt động. Nghiên cứu đề xuất cơ chế khoa học hiệu quả để quản lý khai thác tốt các phương tiện trang thiết bị được cung cấp tiến tới có đóng góp lợi nhuận cho Cty.
- Quản lý tốt chi phí, công nợ khách hàng. Chủ động nghiên cứu thị trường giá cả để phát triển lĩnh vực KD mới. Tích cực tuyển dụng lao động có khả năng chủ động tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường, giảm dần tình trạng cán bộ quản lý làm bao mọi việc. Mạnh dạn đề bạt cán bộ đủ năng lực phẩm chất để phát huy tinh thần trách nhiệm nâng cao hiệu quả công việc
- Về KD Dầu: Thường xuyên nghiên cứu giá cả thị trường, cân đối nhu cầu với nguồn hàng dự trữ, có tầm nhìn chiến lược trong việc định hướng KD với các nhóm hàng, mặt hàng hay nhóm khách hàng cụ thể để có kế hoạch nhập hàng hợp lý vừa giảm mức tồn kho ở mức thấp nhất, vừa đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời hàng hóa theo nhu cầu nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.
- Làm tốt công tác chăm sóc khách hàng và nghiên cứu đề xuất mọi biện pháp để quản lý tốt khách hàng hiện có. Khai thác khách hàng mới để bù vào số đã mất. Đầu năm 2018 mất hai khách hàng lớn TMT, Cty vận tải Hà Nội (Gần 1,5 tỷ doanh thu/ tháng). Phát huy mọi khả năng biện pháp để tiếp cận phát triển khách hàng mới. Chú ý nhóm khách hàng vận tải, SX giấy, thép, đường, gạch men, các sản phẩm cao su...Tập trung giải quyết hàng tồn kho lâu ngày Fuchs, C&Lube. Quan tâm thường xuyên đến việc đôn đốc thu hồi công nợ.
- Triển khai việc hợp tác làm nhà phân phối cho Cty Tectyl Việt Nam để cung cấp các loại dầu công nghiệp là mặt hàng hiện tại Cty chưa có lợi thế.
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý lao động, công việc, quản lý tiền hàng, công nợ, đặc biệt chú trọng khi phát triển khách hàng mới, tránh phát sinh nợ xấu, thực hành tiết kiệm tối đa chi phí kinh doanh để nâng cao hiệu quả.
- Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các nhân sự trong cùng bộ phận để cùng nhau tìm ra phương án tốt nhất cho công việc. Thực hiện thay

đổi phương pháp và có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo cho nhân viên mới về kiến thức kỹ thuật, chuyên môn, kinh nghiệm tìm kiếm, tiếp cận, thuyết phục khách hàng để tạo sức hút lao động có chất lượng tốt gắn bó với Cty.

- Lĩnh vực quản lý tài chính: Tăng cường quản lý giám sát tiền hàng, công nợ, thường xuyên đôn đốc nhắc nhở và cùng các phòng kinh doanh quản lý thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu. Đảm bảo nguồn tiền phục vụ cho hoạt động kinh doanh thường xuyên và các khoản đầu tư khác. Tổng tiền vay năm 2018 dự kiến là 611 tỷ đồng bao gồm cả vay kinh doanh và vay đầu tư XDCB.
- Chú ý nhóm khách hàng vận tải, SX giấy, thép, đường, gạch men, các sản phẩm cao su...Tập trung giải quyết hàng tồn kho lâu ngày Fuchs, C&Lube. Quan tâm thường xuyên đến việc đôn đốc thu hồi công nợ.
- Triển khai việc hợp tác làm nhà phân phối cho Cty Tectyl Việt Nam để cung cấp các loại dầu công nghiệp là mặt hàng hiện tại Cty chưa có lợi thế.
- Nâng cao chất lượng công tác quản lý lao động, công việc, quản lý tiền hàng, công nợ, đặc biệt chú trọng khi phát triển khách hàng mới, tránh phát sinh nợ xấu, thực hành tiết kiệm tối đa chi phí kinh doanh để nâng cao hiệu quả.
- Thường xuyên trao đổi thông tin giữa các nhân sự trong cùng bộ phận để cùng nhau tìm ra phương án tốt nhất cho công việc. Thực hiện thay đổi phương pháp và có kế hoạch cụ thể trong việc đào tạo cho nhân viên mới về kiến thức kỹ thuật, chuyên môn, kinh nghiệm tìm kiếm, tiếp cận, thuyết phục khách hàng để tạo sức hút lao động có chất lượng tốt gắn bó với Cty.
- Lĩnh vực quản lý tài chính: Tăng cường quản lý giám sát tiền hàng, công nợ, thường xuyên đôn đốc nhắc nhở và cùng các phòng kinh doanh quản lý thu hồi công nợ, không để phát sinh nợ xấu. Đảm bảo nguồn tiền phục vụ cho hoạt động kinh doanh thường xuyên và các khoản đầu tư khác. Tổng tiền vay năm 2018 dự kiến là 611 tỷ đồng bao gồm cả vay kinh doanh và vay đầu tư XDCB.
- Công tác tổ chức nhân sự hành chính: Tiếp tục sửa đổi bổ sung hoàn thiện các quy định về quản lý Cty. Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở người lao động thực hiện tốt nội quy, quy định của Cty, xây dựng văn hóa doanh nghiệp trong mọi hoạt động: tinh thần trách nhiệm, cách giao tiếp trao đổi điện thoại nội bộ và với khách hàng, ý thức tham gia các hoạt động chung của Cty...
- Tích cực chủ động đổi mới trong công tác tuyển

dụng lao động. Có chương trình, kế hoạch nội dung cụ thể để đào tạo lao động mới kết hợp giữa đào tạo tại Cty và cử đi học các lớp ngắn hạn. Giúp nhân viên mới nhanh chóng nắm bắt được công việc chung và văn hóa của Công ty. Duy trì phát huy những truyền thống văn hóa, nét đẹp trong mọi hoạt động của Cty. Trong mọi điều kiện góp phần duy trì đời sống văn hóa tinh thần đoàn kết, tinh thần làm việc nhiệt huyết, mong mọi được đóng góp và gắn bó lâu dài với Cty

Kế hoạch kinh doanh năm 2018

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chi tiêu	Công ty
I	Doanh thu	157,7
1	-KD Dầu	129,5
2	-GNVT	6
3	-KD Kho	14,8
4	-KDTM	7,2
II	LNTT	6

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM TÀI CHÍNH 2017

Tổng quan

Hội đồng Quản trị tập trung chỉ đạo Ban Điều hành Công ty thực hiện những giải pháp lớn:

1. Nâng cao chất lượng cạnh tranh thông qua liên tục cải tiến quy trình nghiệp vụ, sản phẩm, dịch vụ và tiện ích cho khách hàng, đổi tác truyền thống cũng như phát triển mới lượng khách hàng tiềm năng.
2. Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định Nhà nước và pháp luật.
3. Đẩy mạnh công tác truyền thông, dưới nhiều hình thức và công cụ khác nhau, định hướng vào nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khách hàng mới.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tổng doanh thu sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Công ty: 191.204 triệu đồng đạt 97,48% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

- Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế hợp nhất: 5.651 triệu đồng, đạt 101% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017 thông qua.

Trong năm 2017, HĐQT Công ty đã tổ chức các phiên họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

HĐQT đã giám sát tốt hoạt động của Ban điều hành theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật, thường xuyên cập nhật tình hình pháp luật, giám sát việc tuân thủ quy chế của Ban điều hành nhằm mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các cổ đông.

Công tác chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát hoạt động của Ban Điều hành

- HĐQT đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm bảo đảm hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội cổ đông và HĐQT.
- Ban Điều hành và cán bộ chủ chốt đã thực hiện đúng và đầy đủ trong phạm vi quyền hạn của mình. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ Công ty.
- HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình, quy chế này trong mọi hoạt động của Công ty.
- Công ty cũng tuân thủ quy chế quản trị Công ty theo quy định của UBCKNN, tham khảo các mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến trong ngành và trên thế giới để xây dựng, phát triển quy chế quản trị nội bộ công ty, bảo đảm tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện được tốt chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018

Thị trường đang đứng trước thời cơ lớn trong năm 2018, với triển vọng với quy mô cao nhất từ trước đến nay; thời kỳ nền kinh tế thịnh vượng và phát triển lên một tầm cao mới; tiến trình cơ cấu lại DN nhà nước và cổ phần hóa sôi động hơn bao giờ hết.

Hội đồng Quản trị xác định các chỉ tiêu kế hoạch mà Ban Điều hành xây dựng là các chỉ tiêu hợp lý, trong bối cảnh thị trường thị trường đi kèm với nhiều rủi ro biến động và đội ngũ nhân sự của công ty vẫn cần được củng cố, đồng thời các mô hình kinh doanh mới đang trong quá trình xây dựng và triển khai, cần thêm nguồn lực và chưa phát huy hiệu quả ngay.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị cũng yêu cầu Ban Điều hành vẫn cần khai thác tối đa cơ hội thị trường và đẩy mạnh hoạt động, đồng thời tranh thủ điều kiện thuận lợi, tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực tài chính và chuẩn bị các điều kiện tốt nhất để triển khai các nhiệm vụ mới, đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của xu thế phát triển thị trường.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT xác định định hướng hoạt động chủ yếu là:

- Cùng với Ban Điều hành xây dựng và chuẩn bị các giải pháp huy động, cân đối nguồn vốn, ưu tiên tối đa nguồn vốn hỗ trợ hoạt động kinh doanh
- Hỗ trợ và định hướng công tác đầu tư cơ sở vật chất, trọng tâm là trụ sở, tiện ích văn phòng phục vụ cho công tác kinh doanh.
- Xây dựng cơ chế nhân sự, đãi ngộ phù hợp và tương đương với mức bình quân ngành cho khối phát triển thị trường. Tích cực tìm kiếm, hoàn thiện và bổ sung nhân sự chủ chốt, nhân sự Ban điều hành.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, an toàn tài chính, tuân thủ các quy định của UBCK, Sở giao dịch để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Cùng với Ban điều hành đẩy mạnh công tác truyền thông, dưới nhiều hình thức và công cụ khác nhau, định hướng vào nâng cao thương hiệu, hình ảnh công ty và phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khách hàng mới.

Trách nhiệm xã hội

XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Tổng quan

Công ty cổ phần kho vận và DVTM xác định việc gắn liền hoạt động kinh doanh với các hoạt động xã hội là trách nhiệm, đạo đức và cũng là nền tảng văn hóa của Công ty.

Chúng tôi tin rằng, để góp phần phát triển ngành nghề chứng khoán trước hết phải thúc đẩy môi trường làm việc tích cực và cổ vũ cho lối sống tích cực của đội ngũ nhân viên trong công việc, trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong bước đường sự nghiệp của họ sau này.

Công ty cổ phần kho vận và DVTM xác định chiến lược phát triển dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn và năng lực của đội ngũ cán bộ. Vì vậy, Công ty không ngừng tăng cường công tác đào tạo, phát triển và nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên, đồng thời chú trọng đầu tư chăm lo sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần để tạo động lực và cơ hội cho nhân viên phát huy hết khả năng, phát triển bản thân và cống hiến cho Công ty.

Trách nhiệm đối với ngành chứng khoán

Với mục tiêu phát triển bền vững, bên cạnh việc cung cấp các dịch vụ tài chính, chứng khoán, Công ty cổ phần kho vận và DVTM cũng tích cực hỗ trợ và nâng cao kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm cho cộng đồng các nhà đầu tư, thông qua các bài viết trên website và các hoạt động giao lưu, xây dựng mối quan hệ gắn kết giữa cộng đồng nhà đầu tư với các doanh nghiệp, đơn vị thành viên thị trường và cơ quan quản lý.

Chứng khoán Artex cũng sẵn sàng chia sẻ, đóng góp không chỉ những ý kiến và phân biện với tư cách là một thành viên thị trường, mà còn là trung gian tiếp nhận và phản hồi tiếng nói của nhà đầu tư với các cơ quan chức năng, góp phần đưa thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng phát triển. Chúng tôi thường xuyên chủ động đóng góp kiến thức với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các Sở Giao dịch và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, trong việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và phát triển các sản phẩm mới trong tương lai.

Trách nhiệm với cộng đồng

Chúng tôi nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường con người và xã hội Việt Nam. Các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn, kém may mắn trong xã hội đã trở thành nét đẹp văn hóa của Công ty trong các năm qua. Năm 2017, Chứng khoán Artex đã ủng hộ 100 triệu đồng cho hoạt động cứu trợ bão lũ, thiên tai thông qua Mặt trận Tổ quốc Thị xã Sầm Sơn. Đồng thời, chúng tôi tiếp tục duy trì giải Artex Golf Tournament thường niên như một hoạt động gắn kết người làm nghề chứng khoán với cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo Tài chính Hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(Đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10-30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại ("Công ty") tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ Thương mại được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 05/11/2004 và 1311/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107691 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và giấy đăng ký thay đổi lần 16 ngày 21 tháng 09 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Kim Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Tinh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Hình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Đỗ Ngọc Tiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Bà Trần Thị Thời	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Vũ Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Võ Tá Sửu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Thanh Hà	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Đỗ Ngọc Tiến	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/09/2017
Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25/07/2017
Ông Nguyễn Văn Tinh	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thơm	Trưởng ban
Ông Cao Việt Tuấn	Thành viên
Ông Phan Ngọc Tân	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

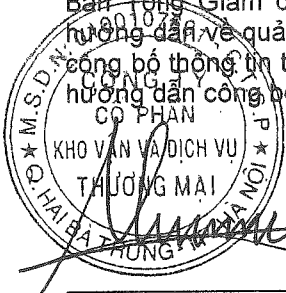
- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại được lập ngày 10 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhưng vẫn không thể thu thập đủ bằng chứng kiểm toán để có thể đưa ra ý kiến kiểm toán đối với các vấn đề sau:

- ▶ Công ty đang sử dụng kho bãi với mục đích sử dụng và cho thuê hoạt động. Tuy nhiên, Công ty chưa tách riêng phần giá trị (diện tích) tài sản cho thuê sang theo dõi trên chỉ tiêu "Bất động sản đầu tư" theo Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải phân loại lại các chỉ tiêu "Tài sản cố định hữu hình" và "Bất động sản đầu tư" tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 hay không.
- ▶ Chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty chỉ bao gồm giá mua hàng hóa của hoạt động bán hàng. Các chi phí khác như chi phí vận chuyển của hoạt động giao nhận vận tải, chi phí khấu hao tài sản cố định liên quan đến hoạt động cho thuê kho bãi đang được trình bày trong chỉ tiêu "Chi phí bán hàng". Chúng tôi không thể xác định liệu có cần phải phân loại lại các chỉ tiêu "Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ" và "Chi phí bán hàng" trong năm 2016 và năm 2017 hay không.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đang trình bày chưa phù hợp các vấn đề sau:

- ▶ Công ty chưa thực hiện đánh giá đầy đủ các khoản Công nợ phải thu quá hạn tại Công ty TNHH MTV Kho vận và dịch vụ thương mại Miền nam (Công ty con) để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ quá hạn theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính từ trước năm 2016 với số tiền là 1.264.262.996 VND. Nếu Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đầy đủ thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 31/12/2016 và 31/12/2017 sẽ giảm đi số tiền lần lượt là 1.264.262.996 VND và 1.162.176.107 VND. Đồng thời, chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 sẽ không phải trình bày số chi phí dự phòng trích lập trong năm là 102.086.889 VND.
- ▶ Công ty chưa tiến hành phân bổ các khoản chi phí công cụ dụng cụ, chi phí chờ phân bổ khác và chi phí lãi vay tại Công ty con - Công ty TNHH MTV Kho vận và dịch vụ thương mại Miền nam đang theo dõi trên chỉ tiêu "Chi phí trả trước ngắn hạn" với tổng số tiền là 920.587.161 VND vào kết quả kinh doanh các năm trước. Nếu ghi nhận đầy đủ thì chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại 31/12/2016 và 31/12/2017 sẽ cùng giảm thêm số tiền tương ứng.
- ▶ Công ty chưa loại trừ doanh thu và giá vốn nội bộ phát sinh giữa (i) văn phòng Công ty mẹ và hai chi nhánh hạch toán phụ thuộc Hà Nội, Hải Phòng, (ii) giữa Công ty mẹ và hai công ty con trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2016, 2017 với giá trị lần lượt là 11.042.147.417 VND và 19.414.154.360 VND. Theo đó, chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và "Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và 2017 đang phản ánh cao hơn thực tế số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Phạm Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2893-2015-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		57.916.722.801	82.392.903.830
110	I. Tiền và tương đương tiền	3	4.532.531.280	17.599.977.322
111	1. Tiền		4.532.531.280	7.599.977.322
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		30.961.190.384	35.162.627.710
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	24.485.916.639	30.040.740.465
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.644.335.708	3.152.629.765
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	6	2.133.037.714	2.733.492.169
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.302.099.677)	(764.234.689)
140	IV. Hàng tồn kho	8	21.455.556.914	28.238.631.608
141	1. Hàng tồn kho		22.006.776.914	28.789.851.608
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(551.220.000)	(551.220.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		967.444.223	1.391.667.190
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	923.503.828	956.781.250
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	384.820.095
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	13	43.940.395	50.065.845
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.663.485.988	20.468.100.367
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		30.000.000	30.000.000
216	6. Phải thu dài hạn khác	6	30.000.000	30.000.000
220	II. Tài sản cố định		19.791.499.994	19.320.762.632
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	12.148.270.094	11.639.782.732
222	- Nguyên giá		30.070.575.745	28.716.453.292
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.922.305.651)	(17.076.670.560)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	7.643.229.900	7.680.979.900
228	- Nguyên giá		7.771.979.900	7.771.979.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(128.750.000)	(91.000.000)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		841.985.994	1.117.337.735
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	841.985.994	1.117.337.735
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		78.580.208.789	102.861.004.197



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		50.673.754.185	73.912.292.449
310	I. Nợ ngắn hạn		50.673.754.185	73.912.292.449
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	5.030.185.887	5.024.173.989
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		71.157.672	129.743.736
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.409.622.918	15.676.437.744
314	4. Phải trả người lao động		1.350.969.577	2.824.938.481
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.691.750.804	13.165.953.788
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	39.106.946.373	37.077.923.757
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		13.120.954	13.120.954
400	B. NGUỒN VỐN		27.906.454.604	28.948.711.748
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	27.906.454.604	28.948.711.748
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		23.504.000.000	23.504.000.000
	411a Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		23.504.000.000	23.504.000.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		519.053.744	288.053.744
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.883.400.860	5.156.658.004
	421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(380.911.160)	(406.323.697)
	421b - LNST chưa phân phối kỳ này		4.264.312.020	5.562.981.701
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		78.580.208.789	102.861.004.197



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

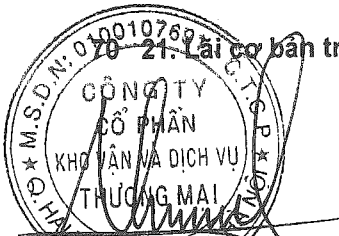
Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	191.203.974.129	194.828.445.261
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		191.203.974.129	194.828.445.261
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	19	138.288.232.768	137.028.621.361
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.915.741.361	57.799.823.900
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		17.986.649	826.075.914
22	7. Chi phí tài chính	20	3.801.913.336	3.270.433.015
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.799.998.859	2.395.584.800
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	21	35.716.188.144	39.843.226.298
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	8.174.190.990	12.053.538.913
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.241.435.540	3.458.701.588
31	12. Thu nhập khác	23	573.603.624	61.665.569.893
32	13. Chi phí khác		171.219.971	75.954
40	14. Lợi nhuận khác		402.383.653	61.665.493.939
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.643.819.193	65.124.195.527
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	1.379.507.173	13.190.555.981
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>4.264.312.020</u>	<u>51.933.639.546</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ		4.264.312.020	51.933.639.546
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.814	21.897



Nguyễn Kim Cường
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2017
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.643.819.193	65.124.195.527
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao tài sản cố định		1.717.896.594	1.636.038.704
03	Các khoản dự phòng		642.388.570	642.272.851
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(131.466.969)	(62.123.904.801)
06	Chi phí lãi vay		3.799.998.859	2.395.584.800
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		11.672.636.247	7.674.187.081
09	Giảm các khoản phải thu		3.748.479.301	48.667.692.672
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		6.783.074.694	(2.118.347.071)
11	(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(15.662.880.298)	(41.624.149.464)
12	Giảm chi phí trả trước		308.629.163	549.208.906
14	Tiền lãi vay đã trả		(3.799.998.859)	(2.395.584.800)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.185.888.705)	(4.536.372.629)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(262.560.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.398.508.457)	6.216.634.695
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(2.468.559.504)	(3.276.444.546)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		595.181.818	25.231.144.992
24	4. Tiền thu hồi cho vay		-	36.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia		17.986.649	485.156.908
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.855.391.037)	58.439.857.354
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		92.801.340.979	108.024.303.473
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(90.772.318.363)	(119.667.578.139)
36	6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(4.842.569.164)	(52.398.966.427)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.813.546.548)	(64.042.241.093)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(13.067.446.042)	614.250.956
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3	17.599.977.322	16.985.726.366
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.532.531.280</u>	<u>17.599.977.322</u>



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại ("Công ty") tiền thân là Công ty Kho vận và Dịch vụ Thương mại được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo quyết định số 1632/QĐ-BTM ngày 05/11/2004 và 1311/QĐ-BTM ngày 28/04/2005 của Bộ Thương mại. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107691 đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 07 năm 2005 và giấy đăng ký thay đổi lần 16 ngày 21 tháng 09 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 23.504.000.000 VND, tương ứng với 2.350.400 cổ phần phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh dầu mỡ bôi trơn, dầu hoá dẻo, dung môi cung cấp cho các nhà máy sản xuất trong các lĩnh vực cơ khí, nhựa, xi măng, sắt thép, thủy điện, nhiệt điện, giấy, bao bì, giấy dếp, cao su...; kinh doanh thương mại, xuất nhập khẩu các sản phẩm cao su tổng hợp, các sản phẩm săm lốp ô tô, thiết bị văn phòng, hàng tiêu dùng...;
- ▶ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải như: đại lý làm thủ tục hải quan; vận tải, đại lý giao nhận vận tải trong nước và quốc tế; vận tải quá cảnh, chuyển khẩu, môi giới tàu biển, dịch vụ cảng;
- ▶ Kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng làm việc.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có 02 công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam	20 Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	Kinh doanh dầu S-oil	100%
Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam	B10, Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các sản phẩm dầu mỡ, dầu chuyên dụng, dầu hóa dẻo cao su, dung môi hóa chất các loại; Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng; dịch vụ giao nhận vận tải;	100%

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

- ▶ Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- ▶ Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- ▶ Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân cuối kỳ.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành các tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao ước tính như sau:

▶ Nhà cửa và vật kiến trúc	05-25 năm
▶ Máy móc, thiết bị	04-10 năm
▶ Phương tiện vận tải	06-10 năm
▶ Thiết bị văn phòng	03-08 năm
▶ Các tài sản khác	03-08 năm
▶ Phần mềm quản lý	03 năm
▶ Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

2.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; và
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; và
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; và
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và doanh thu tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- ▶ Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- ▶ Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	774.826.952	1.137.884.239
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.757.704.328	6.462.093.083
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u>4.532.531.280</u>	<u>17.599.977.322</u>

4. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Cao su INOUE Việt Nam	2.972.752.200	-	2.867.502.000	-
Công ty CP Cao su Sao Vàng	1.205.746.960	-	1.087.005.920	-
Công ty TNHH Cao Su - Nhựa Thanh Bình	1.148.092.000	-	342.098.900	-
Công ty CP xăng dầu chất đốt Hà Nội	996.525.200	-	1.931.639.600	-
Chi nhánh Công ty CP ô tô TMT tại tỉnh Hưng Yên	642.356.000	-	1.736.570.000	-
- Nhà máy ô tô Cửu Long	-	-	1.381.644.000	-
Công ty CP Sản Xuất Thép Vina One	644.262.996	(102.086.889)	644.262.996	-
Công ty TNHH Năng lượng xanh Long Phát	-	-	1.022.384.000	-
Công ty TNHH Giày Dona Standard Việt Nam	16.876.181.283	(1.200.012.788)	19.027.633.049	(764.234.689)
Khác				
	24.485.916.639	(1.302.099.677)	30.040.740.465	(764.234.689)

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
PTT Public Company Limited	3.330.948.232	-	-	-
Toyotsu Energy Corporation	1.198.189.910	-	-	-
Toyota Tsusho Energy(Thailand) Ltd	915.029.946	-	-	-
Công ty H&R GSP Co. LTD	-	-	1.874.287.384	-
Khác	200.167.620	-	1.278.342.381	-
	5.644.335.708	-	3.152.629.765	-

6. Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	2.133.037.714	-	2.733.492.169	-
Ký cược, ký quỹ	112.325.041	-	219.169.011	-
Tạm ứng	955.520.325	-	752.561.156	-
Phải thu khác	1.065.192.348	-	1.761.762.002	-
- Công ty TNHH Năng lượng xanh Long Phát (i)	620.000.000	-	620.000.000	-
- Các khoản chi hộ	396.056.988	-	839.362.423	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá	48.096.483	-	18.536.483	-
- Khác	1.038.877	-	283.863.096	-
Dài hạn	30.000.000	-	30.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	30.000.000	-	30.000.000	-

(i) Khoản lãi phạt chậm thanh toán dự thu cho khoản công nợ quá hạn thanh toán của Công ty TNHH MTV Năng lượng xanh Long Phát phát sinh từ năm 2012, số nợ gốc còn phải thu hồi tại ngày 31/12/2017 là 644.262.996 VND.

7. Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Năng lượng xanh Long Phát	1.264.262.996	-	1.264.262.996	-
Các đối tượng khác	1.331.314.552	131.301.764	1.012.596.586	248.361.897
	2.595.577.548	131.301.764	2.276.859.582	248.361.897

(*) Giá trị có thể thu hồi được xác định dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	22.006.776.914	(551.220.000)	28.789.851.608	(551.220.000)
	22.006.776.914	(551.220.000)	28.789.851.608	(551.220.000)

Số trích lập dự phòng được Công ty đánh giá năm 2015 cho một số mặt hàng dầu Fuchs, dầu PTT,... chậm luân chuyển, kém phẩm chất với tổng giá gốc là 3.299.443.818 VND.

2017
CÔNG
TÍNH
HÀNG
HOÀ

9. Chi phí trả trước

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	923.503.828	956.781.250
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	48.441.369	48.441.369
Chi phí chờ phân bổ (i)	842.305.884	842.305.884
Khác	32.756.575	66.033.997
Dài hạn	841.985.994	1.117.337.735
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	535.497.862	1.033.111.499
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	270.524.763	66.962.600
Khác	35.963.369	17.263.636

(i) Chi phí chờ phân bổ là chi phí lãi vay phát sinh từ năm 2010 và 2011 của Công ty TNHH MTV Kho vận và Dịch vụ Thương mại Miền Nam với số tiền tương ứng là 47.819.345 VND và 794.486.539 VND chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm trước.

Công ty Cổ phần Kho vận và Dịch vụ Thương mại
Số 473 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá Tại ngày 01/01/2017	18.996.852.436	1.529.762.810	7.997.326.010	84.723.850	107.788.186	28.716.453.292
Mua trong năm Thanh lý	2.639.335.454 -	- -	- (1.316.213.001)	31.000.000 -	- -	2.670.335.454 (1.316.213.001)
Tại ngày 31/12/2017	21.636.187.890	1.529.762.810	6.681.113.009	115.723.850	107.788.186	30.070.575.745
Hao mòn lũy kế Tại ngày 01/01/2017	13.429.240.875	1.136.211.468	2.364.072.968	58.371.094	88.774.155	17.076.670.560
Khấu hao trong năm Thanh lý	746.049.430 -	124.304.304 -	788.136.559 (834.511.503)	14.812.029 -	6.844.272 -	1.680.146.594 (834.511.503)
Tại ngày 31/12/2017	14.175.290.305	1.260.515.772	2.317.698.024	73.183.123	95.618.427	17.922.305.651
Giá trị còn lại Tại ngày 01/01/2017	5.567.611.561	393.551.342	5.633.253.042	26.352.756	19.014.031	11.639.782.732
Tại ngày 31/12/2017	7.460.897.585	269.247.038	4.363.414.985	42.540.727	12.169.759	12.148.270.094

- ▶ Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.664.630.714 VND
- ▶ Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.375.167.559 VND

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Quyền sử dụng đất (*) VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	166.500.000	7.605.479.900	7.771.979.900
Tại ngày 31/12/2017	<u>166.500.000</u>	<u>7.605.479.900</u>	<u>7.771.979.900</u>
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	91.000.000	-	91.000.000
Khấu hao trong năm	37.750.000	-	37.750.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>128.750.000</u>	<u>-</u>	<u>128.750.000</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	75.500.000	7.605.479.900	7.680.979.900
Tại ngày 31/12/2017	<u>37.750.000</u>	<u>7.605.479.900</u>	<u>7.643.229.900</u>

(*) Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại số 1/555 khu phố Hòa Lân 2, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Giang	2.294.407.500	2.294.407.500	-	-
Công ty TNHH Brenntag Việt Nam	619.301.100	619.301.100	-	-
Công ty TNHH TM DV Vận tải Giáp Thành	384.780.000	384.780.000	467.555.000	467.555.000
Công ty CP đầu nhàn Quốc tế Việt Mỹ	141.166.576	141.166.576	1.165.954.589	1.165.954.589
Công ty TNHH Đặng Ngọc Hưng	500	500	1.266.829.250	1.266.829.250
Khác	1.590.530.211	1.590.530.211	2.123.835.150	2.123.835.150
	5.030.185.887	5.030.185.887	5.024.173.989	5.024.173.989

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	115.761.960	10.274.916.571	10.806.598.623	-	647.444.012
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.014.387.072	1.014.387.072	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.727.549	11.250.606.591	11.185.888.705	1.379.507.173	38.727.549	1.444.225.059
Thuế thu nhập cá nhân	11.338.296	3.176.910.044	3.575.938.069	816.499.883	5.212.846	409.350.408
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.130.522.254	2.352.874.634	2.128.318.924	-	905.966.544
Các loại thuế khác	-	2.636.895	4.000.000	4.000.000	-	2.636.895
	50.065.845	15.676.437.744	28.408.005.051	16.149.311.675	43.940.395	3.409.622.918

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, theo đó số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.350.000	1.350.000
Bảo hiểm xã hội	350.577	16.235.831
Bảo hiểm Y tế	-	1.536.741
Bảo hiểm thất nghiệp	-	2.325.525
Kinh phí công đoàn	30.941.506	35.371.529
Phạm Quốc Hưng (*)	-	12.500.000.000
Phạm Thúy Hương	538.939.900	498.939.900
Đỗ Thị Thu Hoài	550.000.000	-
Phạm Lữ Vân Trang	320.000.000	-
Khác	250.168.821	110.194.262
	<u>1.691.750.804</u>	<u>13.165.953.788</u>

(*) Khoản tiền ứng trước của ông Phạm Quốc Hưng cho giao dịch mua bán khu đất tại Bình Dương nhưng năm 2017 trả lại do 2 bên hủy giao dịch.

10
BT
KH
M
S
T
35
BT
KH
EM
S
EM

15. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

	01/01/2017		Năm 2017		31/12/2017	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	Giá trị VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	31.181.193.757	31.181.193.757	86.911.165.979	83.195.813.363	34.896.546.373	34.896.546.373
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 3, Tp Hồ Chí Minh (ii)	1.791.730.000	1.791.730.000	3.005.400.000	3.696.730.000	1.100.400.000	1.100.400.000
Vay các cá nhân (iii)	4.105.000.000	4.105.000.000	2.884.775.000	3.879.775.000	3.110.000.000	3.110.000.000
	37.077.923.757	37.077.923.757	92.801.340.979	90.772.318.363	39.106.946.373	39.106.946.373

Chi tiết về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

- i) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng vay cụ thể có thời hạn dưới 12 tháng nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay được áp dụng theo từng thời điểm vay. Lãi suất nợ quá hạn 150%/năm lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp các tài sản sau:
 - ▶ Thế chấp tài sản là Xe ô tô con Mercedes Benz, mang biển kiểm soát số 30A-710.26 trị giá 1.912.207.273 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNT/01/2015 ký ngày 01/07/2015;
 - ▶ Thế chấp tài sản là Xe ô tô con Ford Everest, mang biển kiểm soát số 30A-361.55 trị giá 795.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNTC/220116 ký ngày 22/1/2016;
 - ▶ Thế chấp tài sản là xe ô tô con Hyundai, mang biển kiểm soát số 30E-306.94 trị giá 1.390.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số NHoHN-VNTC/220116 ký ngày 22/1/2016;
 - ▶ Thế chấp tài sản là ô tô Ford Ranger, mang biển kiểm soát số 29H-045.11 trị giá: 810.000.000 VND theo hợp đồng thế chấp số 34/HĐTC ký ngày 03/4/2017.
- ii) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 2104-LAV-201700804 ký ngày 07/11/2017 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Hạn mức vay là 1.800.000.000 VND. Mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn và lãi suất vay quy định theo từng hợp đồng tín dụng kiểm kê ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cá nhân của bà Phạm Thủy Hương - Giám đốc Công ty.
- iii) Vay cá nhân là các khoản vay cán bộ công nhân viên Công ty nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay vốn 6%/năm, lãi được thanh toán 3 tháng/lần. Lãi suất có thể thay đổi từng năm theo quyết định của Tổng giám đốc Công ty.



16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

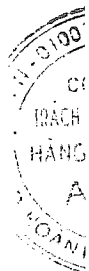
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2016	23.504.000.000	2.992.937.242	5.441.920.419	31.938.857.661
Lợi nhuận năm trước	-	-	51.933.639.546	51.933.639.546
Chia cổ tức năm 2015	-	-	(4.588.343.977)	(4.588.343.977)
Tạm chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	(46.137.639.464)	(46.137.639.464)
Trích lập các quỹ (*)	-	769.646.053	(1.277.209.494)	(507.563.441)
Chi thù lao HĐQT	-	-	(214.710.060)	(214.710.060)
Giảm khác	-	(3.474.529.551)	(998.966)	(3.475.528.517)
Tại ngày 01/01/2017	23.504.000.000	288.053.744	5.156.658.004	28.948.711.748
Lợi nhuận năm nay	-	-	4.264.312.020	4.264.312.020
Chia cổ tức (*)	-	-	(4.842.569.164)	(4.842.569.164)
Trích lập các quỹ (*)	-	231.000.000	(464.000.000)	(233.000.000)
Chi thù lao HĐQT (*)	-	-	(231.000.000)	(231.000.000)
Tại ngày 31/12/2017	23.504.000.000	519.053.744	3.883.400.860	27.906.454.604

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 23/04/2016 và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 21/04/2017, lợi nhuận sau thuế năm 2016 được phân phối như sau:

- Năm 2016: Tạm chi trả cổ tức bằng tiền từ chuyển nhượng tài sản là 186% vốn điều lệ với số tiền 46.137.639.464 VND và trích lập quỹ khen thưởng số tiền 233.018.381 VND.
- Năm 2017: Chi trả cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 21% vốn điều lệ, trích lập các quỹ và chi thù lao Hội đồng Quản trị không quá 5% lợi nhuận sau thuế theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	%	VND	%
Nguyễn Văn Xuân	11.987.040.000	51,0%	41.860.000	0,2%
Nguyễn Kim Cương	724.860.000	3,1%	604.860.000	2,6%
Lê Minh Đức	705.120.000	3,0%	-	0,0%
Nguyễn Thị Hoàng	-	0,0%	2.316.100.000	9,8%
Cổ đông khác	10.086.980.000	42,9%	20.541.180.000	87,4%
	23.504.000.000	100,0%	23.504.000.000	100,0%



c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	23.504.000.000	23.504.000.000
- Vốn góp đầu năm	-	-
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	23.504.000.000	23.504.000.000
- Vốn góp cuối năm	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(5.537.569.164)	(52.218.901.961)
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước (*)	(5.537.569.164)	(5.848.244.116)
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	(46.370.657.845)

(*) Số liệu năm 2016 bao gồm: lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty mẹ là 5.599.414.379 VND và lợi nhuận sau thuế năm 2015 của Công ty con – Công ty TNHH Dầu nhờn CNLube Việt Nam chuyển về trong năm 2016 số tiền 248.829.737 VND.

d. Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.350.400	2.350.400
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.350.400	2.350.400
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

17. Tài khoản ngoại bảng

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Ngoại tệ - USD	1.491,87	5.278,04

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty CP Dương Việt Nhật	69.196.013	69.196.013
Công ty Luxury Việt Nam	20.348.250	20.348.250
Công ty TNHH MTV APATIT Việt Nam	70.662.592	70.662.592
Công ty TNHH MTV Ô tô 1-5	73.184.700	73.184.700
Công ty TNHH MTV Kim Long Tấn Bình Dương	362.385.000	362.385.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Phát triển	318.882.200	318.882.200
Nông thôn Thanh Hương	-	-
Công ty TNHH Thép Việt Hà	5.111.650.760	5.111.650.760
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Hải Yến	3.362.332.600	3.362.332.600
Công ty CP Giải pháp Deli Quốc tế	145.123.655	145.123.655
Công ty CP Thép Đình Vũ	176.780.344	176.780.344
Công ty TNHH Sản xuất và DV TM Đại Phát	812.495.000	812.495.000
Khác	104.523.582	-
	10.627.564.696	10.523.041.114

18. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Bán hàng hóa	168.584.531.083	171.482.916.224
Cung cấp dịch vụ	22.619.443.046	23.345.529.037
	191.203.974.129	194.828.445.261

19. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn bán hàng hóa	138.288.232.768	137.028.621.361
	138.288.232.768	137.028.621.361

20. Chi phí tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí lãi vay	3.799.998.859	2.395.584.800
Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	665.861
Khác	1.914.477	874.182.354
	3.801.913.336	3.270.433.015

21. Chi phí quản lý bán hàng

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.540.286.722	12.661.092.491
Chi phí vật liệu quản lý	849.315.801	1.147.658.532
Chi phí dụng cụ quản lý	1.005.809.929	707.443.904
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.466.249.129	1.244.720.483
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.914.275.925	17.775.450.754
- Chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho	12.487.101.126	13.498.257.541
- Tiền thuê đất	1.912.300.283	2.203.353.360
- Khác	2.514.874.516	2.073.839.853
Chi phí bằng tiền khác	4.940.250.638	6.306.860.134
	35.716.188.144	39.843.226.298

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.188.538.851	8.579.322.342
Chi phí vật liệu quản lý	78.239.304	356.282.316
Chi phí dụng cụ quản lý	251.332.149	17.312.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.647.465	345.618.221
Thuế phí và lệ phí	2.000.000	1.500.000
Chi phí dự phòng	642.388.570	642.272.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	702.381.051	819.783.513
Chi phí bằng tiền khác	1.057.663.600	1.291.447.339
	8.174.190.990	12.053.538.913

23. Thu nhập khác

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định (*)	113.480.320	61.638.747.893
Thu các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	459.419.304	-
Thu nhập khác	704.000	26.822.000
	573.603.624	61.665.569.893

(*) Thu nhập năm 2016 là từ chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê tại 35 Trần Khánh Dư, Ngô Quyền, Hải Phòng.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm 2016, 2017 là của Công ty mẹ.

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	4.264.312.020	51.933.639.546
Các khoản điều chỉnh		
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(466.018.381)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông	4.264.312.020	51.467.621.165
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.350.400	2.350.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.814	21.897

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.184.697.183	2.228.697.083
Chi phí nhân công	15.728.825.573	21.240.414.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.717.896.594	1.636.038.704
Chi phí dự phòng	642.388.570	642.272.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.616.656.976	18.595.234.267
Chi phí khác bằng tiền	5.999.914.238	7.599.807.473
	43.890.379.134	51.942.465.211

27. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.532.531.280	-	17.599.977.322	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.648.954.353	(1.302.099.677)	32.804.232.634	(764.234.689)
	31.181.485.633	(1.302.099.677)	50.404.209.956	(764.234.689)

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	39.106.946.373	37.077.923.757
Phải trả người bán, phải trả khác	6.721.936.691	18.190.127.777
	45.828.883.064	55.268.051.534

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.532.531.280	-	4.532.531.280
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.316.854.676	30.000.000	25.346.854.676
	<u>29.849.385.956</u>	<u>30.000.000</u>	<u>29.879.385.956</u>
01/01/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.599.977.322	-	17.599.977.322
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.009.997.945	30.000.000	32.039.997.945
	<u>49.609.975.267</u>	<u>30.000.000</u>	<u>49.639.975.267</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2017			
Vay và nợ	39.106.946.373	-	39.106.946.373
Phải trả người bán, phải trả khác	6.721.936.691	-	6.721.936.691
	45.828.883.064	-	45.828.883.064
01/01/2017			
Vay và nợ	37.077.923.757	-	37.077.923.757
Phải trả người bán, phải trả khác	18.190.127.777	-	18.190.127.777
	55.268.051.534	-	55.268.051.534

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

29. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chiếm phần lớn tổng doanh thu của Công ty là kinh doanh dầu nhờn, dung môi hóa dẻo chủ yếu diễn ra tại khu vực Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý theo lĩnh vực kinh doanh.

30. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Đỗ Ngọc Tiến	Cổ đông công ty	Vay	-	150.000.000
		Trả tiền vay	-	150.000.000
		Trả lãi vay	-	1.750.000
Nguyễn Văn Tình	Cổ đông công ty	Vay	-	1.000.000.000
		Trả tiền vay	500.000.000	-
		Trả lãi vay	45.166.667	30.000.000
Trần Thị Thời	Cổ đông công ty	Vay	550.000.000	1.650.000.000
		Trả tiền vay	900.000.000	1.400.000.000
		Trả lãi vay	27.466.666	30.729.445
Vũ Thanh Hà	Cổ đông công ty	Vay	-	1.300.000.000
		Trả tiền vay	-	1.300.000.000
		Trả lãi vay	-	24.880.000
Nguyễn Thị Tân	Cổ đông công ty	Vay	50.000.000	160.000.000
		Trả tiền vay	40.000.000	190.000.000
		Trả lãi vay	1.733.333	6.140.833
Tạ Quang Hải	Cổ đông công ty	Vay	300.000.000	170.000.000
		Trả tiền vay	300.000.000	270.000.000
		Trả lãi vay	14.398.334	14.730.000

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	Khoản mục	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Nguyễn Văn Tình	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	500.000.000	1.000.000.000
Trần Thị Thời	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	-	350.000.000
Nguyễn Thị Tân	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	60.000.000	50.000.000
Tạ Quang Hải	Cổ đông công ty	Vay ngắn hạn	170.000.000	170.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

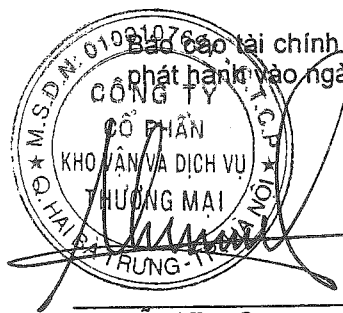
	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	595.706.000	470.772.000
Thu nhập của thành viên quản lý khác trong Ban Tổng Giám đốc và thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.497.003.000	1.328.446.000
	2.092.709.000	1.799.218.000

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội kiểm toán.

32. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 10 tháng 03 năm 2018.



Nguyễn Kim Cương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

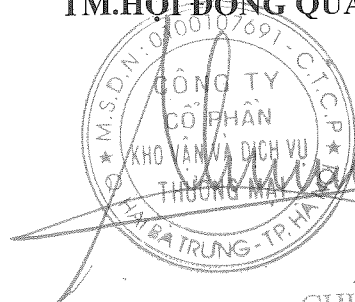
Đỗ Trường Giang
Kế toán trưởng

Đỗ Trường Giang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018

Hà Nội, ngày 01 tháng 04 năm 2018

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Kim Cương

C.P.C.P.